

THỦ TƯỚNG CHÍNH
PHỦ
Số: 224/1999/QĐ-TTg

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 8 tháng 12 năm 1999

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Chương trình phát triển nuôi trồng thủy sản thời kỳ 1999 – 2010

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thủy sản,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt chương trình phát triển nuôi trồng thủy sản thời kỳ 1999 - 2010 với các nội dung sau;

I. MỤC TIÊU:

Phát triển nuôi trồng thủy sản nhằm đảm bảo an ninh thực phẩm và tạo nguồn nguyên liệu chủ yếu cho xuất khẩu. Phấn đấu đến năm 2010 tổng sản lượng nuôi trồng thủy sản đạt trên 2.000.000 tấn, giá trị kim ngạch xuất khẩu đạt trên 2.500.000.000 USD, tạo việc làm và thu nhập cho khoảng 2 triệu người; góp phần tích cực vào phát triển kinh tế xã hội đất nước và an ninh ven biển.

II. NGUYÊN TẮC CHỈ ĐẠO:

- Phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng phát triển bền vững, gắn với bảo vệ môi trường sinh thái; bảo đảm sản xuất và ổn định đời sống nhân dân.
- Nuôi trồng thủy sản phải từng bước được hiện đại hoá, phát triển theo phương pháp nuôi công nghiệp là chính, kết hợp với các phương pháp nuôi khác phù hợp với điều kiện của từng vùng.
- Hướng mạnh vào phát triển nuôi thủy sản nước lợ và nuôi biển, đồng thời phát triển nuôi nước ngọt.

4. Tạo chuyển biến mạnh mẽ trong nuôi tôm xuất khẩu, đồng thời chú trọng nuôi trồng thủy sản khác phục vụ cho tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

III. MỤC TIÊU CỤ THỂ:

Phấn đấu đến năm 2010 đạt các chỉ tiêu sau:

1. Nuôi tôm sú 260.000 ha (trong đó 60.000 ha nuôi công nghiệp, 100.000 ha nuôi bán thâm canh, 100.000 ha nuôi mô hình cân bằng sinh thái, nuôi luân canh, xen canh) đạt sản lượng 360.000 tấn. Giá trị tôm xuất khẩu đạt 1.400 triệu USD.
2. Nuôi cá biển 40.000 ha và 40.000 lồng bè, sản lượng đạt 200.000 tấn. Các đối tượng nuôi chủ yếu là: cá song, cá hồng, cá cam, cá vược, cá măng...
3. Nuôi nhuyễn thể 20.000 ha, sản lượng đạt 380.000 tấn. Các đối tượng nuôi chủ yếu là: nghêu, ngao, sò huyết, ốc hương, trai ngọc, điệp, bào ngư, hàu...
4. Trồng rong biển 20.000 ha, sản lượng 50.000 tấn khô (550.000 tấn tươi). Các đối tượng trồng chủ yếu là: rong câu chỉ vàng, rong thất, rong cước và rong sụn.
5. Nuôi tôm càng xanh 32.000 ha, sản lượng đạt 60.000 tấn.
6. Nuôi thủy sản ao hồ nhỏ 100.000 ha, sản lượng đạt 480.000 tấn. Các đối tượng nuôi chủ yếu là: chép lai, rô phi, cá tra, trắm cỏ, cá trôi, bóng tượng, tai tượng, mè vinh, cá trê, cá quả, sặc rằn, cá mè, baba, lươn ếch...
7. Nuôi thủy sản ruộng trũng 220.000 ha, sản lượng đạt 170.000 tấn. Các đối tượng nuôi chủ yếu là: cá chép, rô phi, cá trê, sặc rằn, cá lóc...
8. Nuôi thủy sản hồ chứa trên diện tích 300.000 ha, trên sông với 30.000 lồng bè, sản lượng đạt 228.000 tấn. Các đối tượng nuôi chủ yếu là: cá basa, cá tra, bóng tượng, rô phi, cá chép, trôi, mè, trắm cỏ, rôhu, mrigan...

IV. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU:

1. Về quy hoạch.

Rà soát và điều chỉnh quy hoạch phát triển nuôi trồng thủy sản kết hợp với việc lập các dự án đầu tư cụ thể, gắn với quy hoạch phát triển thủy lợi và đê biển chung trên địa bàn, nâng cao hiệu quả đầu tư và sử dụng có hiệu quả đất đai mặt nước và nuôi trồng thủy sản.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Bộ Thủy sản trong xây dựng quy hoạch hệ thống đê biển và phê duyệt các dự án đầu tư xây dựng đê biển có liên quan đến nuôi trồng thủy sản.

Bộ Thủy sản quy hoạch và xác định cụ thể số lượng các trại giống của từng vùng, từng địa phương, đặc biệt là các trại sản xuất giống tôm, cá cho nhu cầu nuôi đại trà cung cấp nguyên liệu cho xuất khẩu.

2. Về thị trường:

Phát triển thị trường trong nước, đáp ứng nhu cầu về sản phẩm thủy sản ngày càng tăng của nhân dân; đồng thời phát triển mạnh thị trường xuất khẩu, bao gồm cả việc giữ vững và mở rộng thị trường hiện có và tích cực tìm kiếm thị trường mới. Việc phát triển thị trường phải gắn với đổi mới khoa học công nghệ, nâng cao chất lượng, hạ giá thành và đa dạng hoá sản phẩm thủy sản, nâng cao sức cạnh tranh bền vững của hàng thủy sản Việt Nam trong quá trình hội nhập quốc tế.

3. Về vốn.

Vốn đầu tư cho chương trình nuôi trồng thủy sản được huy động từ các nguồn:

- Vốn ngân sách Nhà nước (kể cả vốn vay và viện trợ chính thức của Chính phủ các nước, tài trợ của các tổ chức Quốc tế);
- Vốn tín dụng trung hạn và dài hạn;
- Vốn tín dụng ngắn hạn;
- Vốn huy động từ các tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư;
- Vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các Bộ, ngành liên quan có giải pháp cân đối các nguồn vốn và bố trí theo kế hoạch hàng năm trình Chính phủ quyết định để đầu tư theo dự án thực hiện chương trình.

4. Về giống nuôi trồng thủy sản.

Tổ chức lại, nâng cao khả năng nghiên cứu và sản xuất của hệ thống giống các cấp; khả năng bảo vệ các bãi giống, bãi đẻ tự nhiên của tôm, cá và lưu giữ các nguồn

gen quý hiếm; đảm bảo cung cấp đủ, kịp thời giống tốt với giá hợp lý cho nuôi trồng thủy sản, kể cả nhập khẩu giống và công nghệ sản xuất giống cần thiết.

5. Về thức ăn công nghiệp và vật tư nuôi trồng.

Đầu tư nâng cấp và xây dựng mới một số xí nghiệp sản xuất thức ăn công nghiệp, sản xuất bột cá; nhập khẩu nguyên liệu và công nghệ cần thiết để sản xuất thức ăn công nghiệp trong nước với chất lượng tốt, giá thành hợp lý, đáp ứng 60% nhu cầu nuôi thủy sản vào giai đoạn 2000-2005, đáp ứng 80% nhu cầu nuôi thủy sản vào giai đoạn 2006-2010.

Cung cấp đầy đủ và đồng bộ các vật tư, thiết bị đáp ứng yêu cầu nuôi trồng thủy sản.

6. Về khoa học công nghệ.

Tăng cường nghiên cứu khoa học, nhập khẩu công nghệ, trước hết tập trung vào khâu sản xuất giống để cho dễ nhân tạo được các giống nuôi chủ yếu, tiến tới cho dễ nhân tạo được một số giống đặc sản; nghiên cứu hoàn thiện công nghệ nuôi nước ngọt, lợ và nuôi biển đối với các đối tượng nuôi chủ yếu; các biện pháp về phòng trừ dịch bệnh; công nghệ sản xuất thức ăn, công nghệ bảo quản và chế biến sau thu hoạch.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường bố trí vốn đầu tư cho nghiên cứu khoa học, trên cơ sở đề nghị hàng năm và các dự án cụ thể của Bộ thủy sản.

7. Về đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ và lao động kỹ thuật.

Tăng cường về năng lực và cơ sở vật chất kỹ thuật của các Viện nghiên cứu, trường thuộc ngành thủy sản, phối hợp với các Viện nghiên cứu, trường của các ngành khác để đào tạo đội ngũ cán bộ nghiên cứu, quản lý và kỹ thuật về công nghệ nuôi, sản xuất giống, xử lý môi trường, chẩn đoán, phòng trừ dịch bệnh, sản xuất thức ăn, bảo quản sau thu hoạch; đồng thời bằng nhiều hình thức để đào tạo bồi dưỡng kỹ thuật nuôi, phòng dịch bệnh cho nông dân, ngư dân.

8. Về tổ chức sản xuất.

Trên cơ sở quy hoạch từng vùng, lấy kinh tế hộ, kinh tế trang trại là hình thức tổ chức sản xuất chủ yếu, gắn với phát triển các hình thức kinh tế hợp tác thích hợp để